

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: **Kế toán - Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Kế toán** Mã số: **7340301**
Hình thức đào tạo: **Chính quy**

1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình Kế toán doanh nghiệp, đào tạo những cử nhân Kế toán có năng lực chuyên môn tốt, năng động sáng tạo, có tầm nhìn chiến lược, biết thực hiện, điều hành và quản lý hoạt động kế toán tài chính ở tầm vi mô và vĩ mô. Sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp sau khi ra trường có thể làm việc tại các cơ quan quản lý các cấp, các cơ quan nghiên cứu đào tạo về lĩnh vực kế toán - tài chính; nhân viên kế toán tại mọi loại hình doanh nghiệp, nhân viên kinh doanh, tín dụng, ngân hàng

1.2. Chuẩn đầu ra

1.2.1. Về kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức thực tế vững chắc; kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi ngành đào tạo: về quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh bao gồm: Kinh tế học; marketing căn bản; luật kinh tế; nhập môn tài chính- tiền tệ; nguyên lý thống kê kinh tế...

1.2.1.2. Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật: Đảm bảo nền kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với ngành kế toán, bao gồm: Nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam; Pháp luật đại cương, Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất và thống kê toán và Phương pháp nghiên cứu khoa học;

1.2.1.3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc;

- Sinh viên đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin theo Thông tư số: 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 11/3/2014.

1.2.1.4. Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong mọi lĩnh vực hoạt động cụ thể: xây dựng kế hoạch và sử dụng thời gian, các nguồn lực; lựa chọn những công việc cần ưu tiên và khả năng tổ chức thực hiện một cách khoa học, hiệu quả.

1.2.1.5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn kế toán: Nắm vững kiến thức căn bản và hiện đại về ngành kế toán: Nguyên lý kế toán; kế toán tài chính 1, 2; kế toán thương mại dịch vụ; kế toán quản trị; kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp; kế toán thuế; kiểm toán căn bản; tài chính doanh nghiệp; phân tích kinh tế doanh nghiệp; thống kê kinh doanh; lập báo cáo tài chính doanh nghiệp...

- Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

1.2.2. Về kỹ năng

1.2.2.1. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp:

1.2.2.2. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác:

- Có khả năng hoạch định tổ chức công tác kế toán tài chính và kế toán quản trị trong các loại hình doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp.

- Có khả năng thực hiện và thành thạo các phần hành kế toán, kế toán tổng hợp và xử lý các tình huống phát sinh thuộc lĩnh vực kế toán trong quá trình hoạt động của các loại hình doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp.

- Có khả năng tổ chức và thực hiện các nội dung, phần việc kế toán quản trị trong các doanh nghiệp.

- Có khả năng thực hiện các công việc theo quy định kiểm toán ở các công ty kiểm toán độc lập, kiểm toán Nhà nước và thực hiện kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp.

- Có khả năng tổ chức và thực hiện công tác phân tích kinh tế doanh nghiệp, phân tích các báo cáo tài chính doanh nghiệp phục vụ cho việc ra các quyết định kinh doanh và quyết định tài chính và lập các kế hoạch tài chính.

- Có khả năng tự tìm hiểu và sử dụng các phần mềm kế toán thông dụng (MISA, FAST...) và thực hành kế toán trên máy vi tính.

1.2.2.3. Kỹ năng phản biện phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi:

- Có tư duy logic, sáng tạo; dám nghĩ, dám làm; chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, xây dựng và phát triển mối quan hệ với tập thể, các đối tác. Biết tổ chức và điều hành hoạt động nhóm làm việc hiệu quả sẵn sàng hợp tác trong công việc và thiết lập các mối quan hệ công việc với đồng nghiệp, khách hàng.

1.2.2.4. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm: Thu thập minh chứng hoàn thành công việc, xây dựng thang đo làm căn cứ đánh giá.

1.2.2.5. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể và phức tạp:

- Biết lắng nghe, thảo luận, thuyết phục, tôn trọng, trợ giúp, chia sẻ, chung sức với các thành viên trong và ngoài đơn vị.

- Biết sử dụng tổng hợp các kỹ năng trong giao tiếp như: Lắng nghe, đàm phán, đặt câu hỏi, thuyết trình, xử lý các phản hồi của khách hàng và giao tiếp qua điện thoại.

1.2.2.6. Ngoại ngữ: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam

1.3.1. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.3.1.1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Biết chủ động, sáng tạo trong công việc phối kết hợp tốt nhịp nhàng với đồng nghiệp trong giải quyết công việc chung với tinh thần và trách nhiệm cao, sẵn sàng chịu trách nhiệm trước kết quả công việc của cá nhân và thể hiện trách nhiệm

cao trước tập thể.

1.3.1.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định: Biết hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ, giám sát kết quả thực hiện nhiệm vụ theo tiêu chuẩn đặt ra.

1.3.1.3. Tự hướng dẫn, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân: Có lập trường quan điểm vững vàng, nhất quán trong quan điểm cá nhân.

1.3.1.4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá, cải thiện hiệu quả các hoạt động: Chủ động trong thực hiện kế hoạch, điều phối quản lý các nguồn lực theo kế hoạch, thu thập bằng chứng thực hiện làm căn cứ cho đánh giá cải thiện hiệu quả các hoạt động.

2. Thời gian đào tạo: 04 năm

3. Tổng số tín chỉ toàn khóa: 132 tín chỉ

(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 3318/QĐ-ĐHHP ngày 06/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Hải Phòng.

6. Thang điểm

Thực hiện theo Quyết định số 3318/QĐ-ĐHHP ngày 06/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Hải Phòng.

7. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương		29							
7.1.1	<i>Lý luận chính trị</i>		13							
1	PHI5212	Triết học Mác - Lênin	3	30		10		5	1	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
2	POL5229	Kinh tế chính trị - Mác Lênin	2	20		5		5	PHI5212	2
3	POL5230	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20		5		5	POL5229	3
4	HID5201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20		5		5	POL5230	4
5	VPL5208	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20		5		5	HID5201	5
6	LAW5201	Pháp luật đại cương	2	20	10					1
7.1.2	Khoa học tự nhiên		8							
7	MAT5205	Toán cao cấp	3	25	15			5		1
8	MAT5234	Xác suất thống kê	2	15	10			5	MAT5205	2
9	INF5200	Tin học cơ sở	3	18			27			1
7.1.3	Ngoại ngữ		8							
10	ENG5201	Tiếng Anh cơ sở 1	4	45	10			5		1
11	ENG5202	Tiếng Anh cơ sở 2	4	40	10			10	ENG5201	2
7.1.4	Giáo dục thể chất									
12	PHE5208	Giáo dục Thể chất 1*	1				28	2		
13	PHE5209	Giáo dục Thể chất 2*	1				28	2		
14	PHE5210	Giáo dục Thể chất 3*	1				28	2		
15	PHE5211	Giáo dục Thể chất 4*	1				28	2		
16	PHE5212	Giáo dục Thể chất 5*	1				28	2		
7.1.5	Giáo dục quốc phòng- an ninh									
17	DEF5201	Giáo dục Quốc phòng - an ninh*	165							
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		103							
7.2.1	Kiến thức cơ sở khối ngành		6							
18	ECC5299	Kinh tế vi mô	3	35			10			1
19	ECC5204	Kinh tế vĩ mô	3	35			10		ECC5299	2
7.2.2	Kiến thức cơ sở ngành		15							

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
	- Bắt buộc		11							
20	ACC5299	Nguyên lý kế toán	3	30	10	1		4	ECC5299	3
21	STA5203	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	29	10	5		1	ECC5299	3
22	LAW5203	Luật kinh tế	2	20	10				LAW5201	2
23	FIN5201	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	30	2	10		3	ECC5299	3
	- Tự chọn		4/10							
24	ECC5210	Kinh tế quốc tế	2	20			10		ECC5204	
25	ECC5217	Kinh tế lượng	2	15	10			5	MAT5234	
26	MAN5111	Quản trị doanh nghiệp	2	20			10		ECC5299	
27	MAR5201	Marketing căn bản	2	21			9		ECC5299	
28	ECC5200	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	20		5		5		
7.2.3.	Kiến thức ngành		71							
7.2.3.1	Kiến thức chung của ngành		20							
	- Bắt buộc		18							
29	ACC5211	Kế toán tài chính DN 1	4	40	14	4		2	ACC5299	4
30	ACC5220	Kế toán quản trị 1	3	25	15			5	ACC5211	5
31	ACC5217	Kế toán thương mại dịch vụ	2	20	9			1	ACC5212	6
32	ACC5209	Kế toán máy	3	10			60	5	ACC5212	7
33	FIN5212	Phân tích Báo cáo tài chính	3	30	10	3		2	ACC5212	6
34	FIN5207	Tài chính doanh nghiệp	3	30	10			5	FIN5201	4
	- Tự chọn		2/6							
35	TRA5232	Thanh toán quốc tế B	2	20			10			
36	INS5201	Bảo hiểm	2	25	3	2			ECC5299	
37	ACC5207	Kế toán quốc tế	2	20	9			1	ACC5211	
7.2.3.2	Kiến thức chuyên sâu của ngành		51							

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
- Bắt buộc			39							
38	AUD5202	Lý thuyết kiểm toán	3	30	10			5	ACC5211	5
39	ACC5212	Kế toán tài chính DN 2	4	40	14	4		2	ACC5211	5
40	ACC5215	Thiết kế môn học kế toán tài chính DN	2			5	25		ACC5212	6
41	ACC5219	Kế toán ngân hàng	3	30	10	3		2	ACC5212	7
42	ACC5213	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	2	20	8			2	ACC5212	7
43	ACC5298	Tổ chức thực hiện công tác kế toán	2	20	9			1	ACC5212	6
44	ACC5225	Thiết kế môn học Tổ chức thực hiện CTKT	2			5	25		ACC5298	7
45	ACC5208	Kế toán thuế	2	15	8	3		4	ACC5212	7
46	ACC5221	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	20	7			3	ACC5211	5
47	STA5209	Thống kê doanh nghiệp	2	20	6	3		1	STA5203	4
48	AUD5298	Kiểm toán tài chính	4	40	15			5	AUD5202	6
49	ACC5227	Tín dụng ngân hàng	2	18	5	4		3	FIN5207	5
50	ENG5278	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	2	20	5			5		5
51	ACC5222	Thực tập 1	2				60			4
52	ACC5297	Thực tập 2	3				90			6
53	ACC5291	Kế toán quản trị 2	2	20	5			5	ACC5220	6
- Tự chọn			12/24							
54	TRA5217	Phân tích và thẩm định dự án đầu tư	2	19	6	4		1	FIN5207	
55	TRA5214	Thị trường chứng khoán	2	20	6			4	FIN5207	
56	TRA5201	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	2	21			9		ECC5299	
57	TRA5211	Phân tích kinh doanh	2	20	7	2		1	STA5209	
58	AUD5296	Kiểm toán hoạt động	2	20	5			5	AUD5202	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
59	FIN5225	Định giá tài sản	2	20	8	2			FIN5207	
60	MAN5231	Kiểm soát quản lý	2	20	5			5	ACC5211	
61	FIN5206	Tài chính quốc tế	2	20	3	6		1	FIN5201	
62	ACC5296	Hệ thống thông tin kế toán	2	20	5			5	ACC5212	
63	ACC5295	Kế toán công ty	2	20	5			5	ACC5211	
64	MAN5277	Kiểm soát nội bộ	2	20	5			5	ACC5211	
65	AUD5295	Kiểm toán nội bộ	2	20	5			5	AUD5202	
7.2.4	Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận		11							
66	ACC5233	Thực tập tốt nghiệp	5				150			8
	Tốt nghiệp (làm khóa luận hoặc học bổ sung)		6							8
67	KLTN_KTDN	Khóa luận tốt nghiệp	6							8
	Tổng cộng		132							

(Những học phần đánh dấu * không tính vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học)